



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Le Van Thanh
Last Middle First

Current Address: 13C/27 Ky Dong, Q 3 TP HCM

Date of Birth: 05/15/33 Place of Birth: Vinh Long

Previous Occupation (before 1975) It. Col.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05/01/75 To 09/21/84
Years: 9 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: PHUONG ANH LE DENIS
Name

Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

M-1 ỢI GIA DINH 30 NHÂN CHÍNH TẠ VIỆT NAM
 FAMILINE OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
 P.O. BOX 5435 ARLINGTON VA. 22205 - 0635
 TELEPHONE 703-540-0038

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
 (Two Copies)

IV _____
 VML _____
 I-171 _____
 EXIT PERMIT : _____

The purpose of this form is to identify persons who are
 or were formerly interned in re-education camps in Vietnam,
 so that eligibility for U.S. admission via the Orderly
 Departure Program can be established.

- APPLICANT IN VIETNAM THÀNH VÂN LE
 Last Middle First
 Current Address 130/27 KỶ ĐÔNG ST Q3, HOCHIMINH CITY
 Date of Birth MAR. 15, 1933 Place of Birth VINH LONG
 Previous Occupation (before 1975) LTCOL 16TH CAVALRY SQUADRON COMMANDING OFFICER
 (Rank Position)
 2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Entry: From MAY 1, 1975 to SEPT. 21, 1984
 3. SPONSOR'S NAME : PHUONG ANH LE DENIS
 Name

Address: Telephone:

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name	Address	Telephone	Relationship
<u>PHUONG ANH LE DENIS</u>			<u>SISTER</u>
<u>LE ANH THAO</u>			<u>DAUGHTER</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the
 ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR),
 you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are
 eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130
 may do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : THÀNH VÂN LE
 (Listed on page 1).

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVE : DATE OF BIRTH : RELATIONSHIP TO PA.

<u>BACH THAO THI MAI</u>	<u>MAY 2, 1937</u>	<u>WIFE</u>
<u>TRANG ANH LE</u>	<u>NOV. 30, 1957</u>	<u>DAUGHTER</u>
<u>TIEN TAN NGUYEN</u>	<u>JUL. 11, 1957</u>	<u>SON-IN-LAW</u>
<u>HAU LONG NGUYEN LE</u>	<u>SEP. 16, 1986</u>	<u>GRAND-SON</u>
<u>THANH ANH LE</u>	<u>SEP. 4, 1959</u>	<u>DAUGHTER</u>
<u>LE ANH LE</u>	<u>JUN. 29, 1964</u>	<u>DAUGHTER</u>
<u>QUAN ANH LE</u>	<u>MAY 26, 1969</u>	<u>SON</u>

DEPENDENT'S ADDRESS : (If different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(2 Copies)

IV
VNL
I-171a
EXIT PERMIT :

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM THANH VAN LE
Last Middle First
Current Address 139/27 KYDONG ST. D3 HOCHIMINH CITY
Date of Birth MARCH 15 1933 Place of Birth VINH LONG
Previous Occupation (before 1975) LT. COL. 16th CAVALRY SQUADRON COMMANDING OFFICER
(Rank Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From MAY 1 1975 to SEP. 21 1984
3. SPONSOR'S NAME: PHUONG ANH LE DENIS
Name

Address: Telephone:

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name Address Telephone

PHUONG ANH LE DENIS

Relationship

SISTER

LE ANH THO

DAUGHTER

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): THANH VAN LE
(Listed on page 1).

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVE	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
<u>BACH THAO THI MAI</u>	<u>MAY 3 1937</u>	<u>WIFE</u>
<u>TRANG ANH LE</u>	<u>NOV. 30 1957</u>	<u>DAUGHTER</u>
<u>TIEN TAN NGUYEN</u>	<u>JUL. 11 1957</u>	<u>SON-IN-LAW</u>
<u>NHULONG NGUYEN LE</u>	<u>SEP. 16 1986</u>	<u>GRAND-SON</u>
<u>THANH ANH LE</u>	<u>SEP. 4 1957</u>	<u>DAUGHTER</u>
<u>LE ANH LE</u>	<u>JUN. 29 1964</u>	<u>DAUGHTER</u>
<u>QUAN ANH LE</u>	<u>MAY. 26 1967</u>	<u>SON</u>

DEPENDENT'S ADDRESS: (If different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

Hội Đồng Quản Trị
Board of Directors

DATE: JUL 24 1989

KHÚC MINH THO
NGUYỄN THỊ HANH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIẾP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Orderly Departure Program
American Embassy, Box 58
APO San Francisco 96346-0001

Ban Chấp Hành T.Ư.
Executive Board

KHÚC MINH THO
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HANH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn
Advisory Committee

HIẾP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

Re: LE VAN THANH.

Date of Birth: 3/15/33

IV # : NEED IV # NEED LOI

Length of Time in Re-education Camp 9.yrs

Dear Sir/Madam:

Upon request from the family of the above referenced former re-education camp detainee in Vietnam, I am forwarding to you the enclosed document(s) to complete his record with your office. I trust that the document(s) will be sufficient.

Should you have any additional questions and/or concerns, please feel free to contact us at the above address.

Thank you very much for your kind attention and assistance in the processing of this applicant.

Sincerely yours,

(Mrs.) Khuc Minh Tho
President

Enclosures

NOTE: This applicant has been sponsored by LE ANH THO
as shown in the attachments.

It is also requested that the Letter Of Introduction be sent to our Association at the address that appears above.

Saigon, ngày 29.7.88.

Thưa chị,

Anh An và anh NGHĨA cũng có ý nghĩ là một ngày gần đây hai anh sẽ được xuất cảnh theo chương trình mà chính phủ Mỹ và VN đã thỏa thuận cho: "Tái định cư tái Mỹ những người được tha từ các trung tâm cải tạo cũng thân nhân muốn ginh sống tại Mỹ". Chương trình này được nhiều nhất báo VN loan tin trong nhiều ngày nay.

Để được liên tục liên lạc thư từ với di, anh NGHĨA và An báo tôi biên thư này đến chị. Kính mong chị biên thư cho tôi và anh em theo hai địa chỉ sau, và báo chuyển tiếp đến tôi ở VN: 1. con tôi, LÊ ANH THỎ.

2. em tôi, PHƯƠNG ANH DENIS.

Thưa chị, tôi và gia đình rất mong muốn được theo sau chân của anh NGHĨA và AN xuất cảnh, định cư tại Mỹ. (cuối năm '84, khi được ra khỏi trại tập trung, tôi đã có gửi đến ODP BANGKOK, HỒ SƠ, đến nay, chưa nhận được IV, LOI. gì cả. Vừa rồi, theo lời anh NGHĨA + AN, tôi có gửi đến chị một hồ sơ hồ tịch của gia đình và tôi gồm có cả →

GIẤY-RA-TRAI.

Kính mong chị giúp đỡ mọi thủ tục cũng
hướng dẫn bổ túc (nếu có) cho con tôi với địa
chỉ ghi trên.

Kính chúc anh-chị gặt hái thành-tựu và luôn
khỏe mạnh, an-vui.

Tôi và gia đình rất biết ơn chị.

Địa chỉ biên thư ở VN:

LÊ VĂN THANH

13^C/27 Kỵ Đồng Q.3

TP. Hồ Chí Minh - VN.

Thanh LÊ VĂN THANH

LÊ VĂN THÀNH MARCH 15, 1933

LT./COL ARVN / 16th Cavalry Squadron Commanding officer
serial # 53/108048.

Address in Vietnam : 13^c/27 Rq Đông St, Q.3. Hồ Chí Minh City
- in USA : LÊ ANH THẢO.

Total time in reeducation camp: 9 years, 4 months and 20 days.

Trại Hầm tìn

S6 _____ CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mã số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 986-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ,

Thi hành văn, quyết định thứ số

324

ngày

2-2-10-10

08 năm 1984

CỦA 195 NHỮNG VUA

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh LÊ VĂN THÀNH

Sinh năm 1933

Các tên gọi khác

Nơi sinh Vĩnh Long

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: 73 đường 3/2 thị xã Vĩnh Long
Cần Long.

Can tại Trung tá thiết đoàn trưởng lý bình.

Bị bắt ngày 2/5/72

Ấn phát — CCC

Theo quyết định, ấn văn số

ngaly

thing

ИЗДАНИЕ

của

Đã được giám án _____ làm, cộng thành _____ năm, _____ tháng

Nay về cư trú tại 73 đường 3/2 thị xã Vĩnh Long, Vĩnh Long.

Nhận xét quá trình chỉ đạo

những : vua triều đại tạo không có biểu hiện gì xấu
chịu sự giáo dục của cách mạng .

Lao động: tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được giao

1961 quy : chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn..

Học tập : tham gia đều có tiên bố :

(quan ché 12 tháng)

Trước ngày ____ tháng ____ năm 19__

Lên tay ngón trỏ phải
cả **Lo Văn Thành**

Danh bản số

Lip up

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

LE VAN THANH

Thank

Ngày 21 tháng 09 năm 1984

P. Glenn thì

Law by

Hội Ủy: Trịnh Đức Tỷ



BỘ NỘI VỤ
Trại Hầm tạn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mã số 001-QLTG, ban
hành theo công văn số
221 ngày 27 tháng 11
năm 1972

Số _____ CRT

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thực hiện án văn, quyết định tha số 324 ngày 28 tháng 08 năm 1984

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh LÊ VĂN THÀNH Sinh năm 1933

Các tên gọi khác _____

Nơi sinh Vĩnh Long

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 73 đường 3/2 thị xã Vĩnh Long, Cửu Long

Can tội Trung tá thiết đoàn trưởng lực lượng binh

Bị bắt ngày 2/5/75 Án phạt TRCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị täng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 73 đường 3/2 thị xã Vĩnh Long, Cửu Long

Nhận xét quá trình cải tạo

Đã từng : vừa tránh cải tạo không có biểu hiện gì xấu
chịu sự giáo dục của cách mạng

Lao động : tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được giao

Nhĩ quy : chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn

Học tập : tham gia đều có tiên bộ

(quản chế 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: _____ Nơi trú quán _____

Trước ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

Lưu tay ngón trở phải
của Lê Văn Thành
Danh bìn số _____
Lập tại _____

Số 210 / 1984 Thị xã Vĩnh Long

CH THÀNH
LÊ VĂN THÀNH

Thị xã Vĩnh Long, ngày 28 tháng 08 năm 86
THỦ LƯU QUẢN

Ngày 28 tháng 08 năm 1984

P. Giám thị

Dại ủy: Trịnh Văn Tý

Nguyễn Văn Văn

CAFHQ3

Khai thác: Lê Văn Chánh
có đến trình diện tại phòng
Ngày 22-09-1984



Ngày 22-09-1984
D. Chánh CA

Ni Văn Bơ

ODP CHECK FORM

Date: 4/4/89

To: MR. DANIEL SULLIVAN
RP/RAP/SEA (ODP)
Department of State
Washington, D.C. 20520

From: Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O.BOX 5435 - Arlington, Virginia 22205-0635

Name: le van Manh

Date of Birth: March 15 - 1933

Address in VN q/c le anh le 13c/27 Ky Dong quan 3
Ho Chi Minh City

Spouse Name: Mai thi Bach Thao

Number of Accompanying Relatives:

Reeducation Time: 9 Years Months Days

IV #

VEWL #

I-171 : Yes; No. - EXIT PERMIT: Yes ; No.

Special List #

Sponsor: le anh Tho

Remarks:

(From Mr. Sullivan)

Sincerely,

KHUC MINH THO

Tel. # 358-5154 (O) - 560-0058 (H)



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VENL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE VAN THANH
Last Middle First

Current Address: 13 e/27 Ky dong - Q3 - Ho Chi Minh City

Date of Birth: 1933 Place of Birth: Vinh Long

Previous Occupation (before 1975) L. Colonel & ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05-1975 To 09-1984
Years: 09 Months: 04 Days: _____
US. Trainer

3. SPONSOR'S NAME: LE ANH THO (daughter)
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
MAI THI BACH THAO	1937	wife
LE ANH THANH	1959	daughter
LE ANH LE	1964	daughter
LE ANH QUAN	1969	son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

(Please print or type in English only)

QUESTIONNAIRE FOR PERSON IN VN.

SECTION 1.. Information about you

YOUR NAME : LÊ VĂN THÀNH SERIAL # 53/108048

OTHER NAMES YOU HAVE USED : None

SEX : Male DOB : March 15, 1933 COB : VĨNH LONG

YOUR ADDRESS : 13^c/27 KỶ ĐÔNG ST, 3rd District, Hồ Chí Minh City VN

ARE YOU MARRIED : Married with 8 children

YOUR EXIT PERMIT NUMBER IS :

SECTION 2.. Information about your relatives in the USA

NAME OF YOUR CLOSEST RELATIVE IN THE USA : LÊ ANH THO

DATE OF BIRTH : February 3, 1966 COUNTRY OF BIRTH : VĨNH LONG (VN)

THE US ADDRESS :

THE RELATIONSHIP TO YOU IS : Daughter

WHEN DID YOUR CLOSEST RELATIVE LEAVE VIET NAM : March 1980

SECTION 3.. Information about relatives you want to go with you to the USA

a. List all relatives you want to go with you to the US :

NAME	SEX	DOB	COB	RELATIONSHIP TO YOU	MARRIED	ADDRESS
MAI THỊ BẠCH THAO	F	MAY 2, 1957	VIENTIANE (LAOS)	Wife	M	13 ^c /27 Kỷ Đông St. 3 rd district Hồ Chí Minh City VIET NAM
LÊ ANH TRANG	F	NOV 30, 1957	SAIGON	Daughter	M	
NGUYỄN TÂN TIẾN	M	JUL 11, 1957	SAIGON	Son in law	M	
NGUYỄN LÊ NHƯ LONG	M	SEPT 16, 1986	Hồ Chí Minh City	Grand Son	S	id.
LÊ ANH THANH	F	SEPT. 4, 1959	QUỊ NHƠN	Daughter	S	id.
LÊ ANH LÊ	F	JUN 29, 1964	VĨNH LONG	Daughter	S	id.
LÊ ANH QUÂN	M	MAY 26, 1969	VĨNH LONG	Son	S	id.

SECTION 4 : Information about your family

NAME	SEX	DOB	COB	MARRIED	ADDRESS

a. YOUR WIFE (Living or dead)

MAI THI BACH THAO (F) MAY 2, 1937 Vientiane (LAOS) 13th/27
 KY DONG ST, 3rd district HCM City VN.

b. YOUR OTHER WIVES None

c. YOUR CHILDREN (Living or dead)

NAME	SEX	DOB	COB	MARRIED	ADDRESS
1. LE ANH PHUONG	F	MAY 25, 1956	SAIGON	M	304, 10615, 110 ST EDMONTON ALTA T5H 3C7 CANADA
2. LE ANH HOANG	M	JUL 28, 1960	PLEIKU	S	#3, 10616, 123 ST EDMONTON ALBERTA T5H 1P2 CANADA
3. LE ANH TAM	F	NOV 3, 1961	VINH LONG	M	7258 D'IBERVILLE MONTREAL QUEBEC H2E 2Y6 CANADA
4. LE ANH THO	F	FEB 3, 1966	VINH LONG	M	2810 DORCHESTER DR #20 OKLAHOMA OK. 73120 USA
5. LE ANH TRANG	F	NOV 30, 1957	SAIGON	M	13/27 KY DONG ST, 3 rd district HCM City VN.
6. LE ANH THANH	F	SEP 4, 1959	QUIN NHON	S	id.
7. LE ANH LE	F	JUN 29, 1964	VINH LONG	S	id.
8. LE ANH QUAN	M	MAY 26, 1969	VINH LONG	S	id.

d. YOUR PARENTS (Living or dead)

1. LE VAN LAI (M) dead in 1974

2. TRAN THI NGO (F) dead in 1979

e. YOUR OTHER BROTHERS/SISTERS (Living or dead)

1. LE VAN THE	M	1928	VINH LONG	M	CAN THO VIET NAM
2. LE THAI SANH	M	1930	VINH LONG	M	75, FEB 3 ST VINH LONG VIET NAM
3. LE THANH DANH	M	1935	VINH LONG	M	74 LE E Quxa 3 Thang 2
4. LE THE DANH	M	1937	VINH LONG	S	dead in 1945
5. LE THI PHUONG ANH	F	1939	VINH LONG	M	1113 CAROL LANE OKLAHOMA OK. 73127 USA
6. LE THI DIEN ANH	F	1945	VINH LONG	M	73, FEB 3 ST. VINH LONG VIET NAM

f. OTHER RELATIVES LIVING WITH YOU

1. NGUYEN TAN TIEN	M	JUL 11, 1957	SAIGON	M	13/27 KY DONG ST, 3 rd district HCM city
2. NGUYEN LE NHU LONG	M	SEP 16, 1986	SAIGON	S	id.

SECTION 5.. EMPLOYMENT WITH THE US GOVERNMENT : None

SECTION 6.. OTHER JOBS WITH AMERICAN COMPANIES OR ORGANIZATIONS :

AS VIETNAMESE LIAISON OFFICER at USA. ARMOR SCHOOL in FORT KNOX KENTUCKY from Oct 1969 to Oct 1970.

SECTION 7: GOVERNMENT OR MILITARY SERVICE BEFORE APRIL 30, 1975

a. WHAT MINISTRY OR MILITARY UNIT? ARMOR BRANCH

b. DATE of SEPARATION? APRIL 30, 1975

REASON for SEPARATION: HIGH COMMAND STAFF in disorder

c. GIVE THE DATES PLACES WORKED, JOB, TITLE or RANK and Name of Superior

MONTH/YEAR to MONTH/YEAR	PLACE	TITLE/RANK	NAME of SUPERIOR	DESCRIBE THE WORK PERFORMED
9/1953 - 3/1954	THU DUC INFANTRY SCHOOL	Cadet	Col. PHAM VAN CAM	Basic officer course
4/1954 - 12/1954	64 th Battalion	2nd Lieut.	Major NGUYEN VAN CUA	4 th Company executive officer
1/1955 - 12/1955	Finance School	1 st Lieut.	Major HO VAN DI HINH	Finance officer course
1/1956 - 12/1957	5 th Amphibious Sqn.	1 st Lieut.	Maj. NGUYEN VAN TON	Finance officer
1/1958 - 12/1961	37 th Artillery Battalion	1 st Lieut.	Capt. NGO HAN DONG	Finance officer
1/1962 - 4/1962	Armor school	1 st Lieut.	Maj. PHAM HOA HIEP	Armor Basic off. course
5/1962 - 10/1963	2 nd Cav. Squadron	1 st Lieut.	Capt. NGUYEN THANH LY	1 st Tank company XO
11/1963 - 9/1964	2 nd Cav. Squadron	Captain	Lt/Col NGUYEN VAN TON	Finance officer + S1
10/1964 - 9/1969	2 nd Cav. Squadron	Major	Lt/Col. TRAN TIN	S3
10/1969 - 10/1970	USA Armor school KENTUCKY	Major	Lt/Col. CARVILLON	Vietnamese Liaison officer
11/1970 - 5/1971	3 rd Armored Cav. Sqn.	Major	Lt/Col. NGUYEN DUC DUNG	Executive officer
6/1971 - 2/1972	9 th Cav. Squadron	Major	Lt/Col. NGUYEN VAN LONG	Executive officer
3/1972 - 9/1972	Armor school	Major	Col. TRAN VAN TY	Armor officer Advanced course
10/1972 - 12/1973	12 th Cav. Squadron	Major	Lt/Col. TON THAT HOANG	Executive officer
1/1974 - 4/1975	16 th Cav. Squadron	Lt/Col.	Col. NGUYEN VAN CUA Col. NGUYEN NGOC TRUC	Commanding officer

d. LIST ANY AWARDS, RECOMMENDATIONS or MEDALS from US GOVERNMENT

- 1 Good conduct medal

e. WAS TIME SPENT IN REEDUCATION (CONCENTRATION CAMP): Yes

HOW LONG? 9 Years and 143 days.

f. ANY TRAINING IN THE US: None

g. WAS WORK DONE CLOSELY WITH AMERICAN: Yes

MONTH/YEAR to MONTH/YEAR	PLACE	DESCRIBE THE JOB RELATIONSHIP TO THE AMERICAN
May 1962 - Sept. 1969	2 nd Cavalry Squadron	S1 + S2 Had Worked closely with Maj. SPENCER Chief of US Advisory team
Oct. 1969 - Oct. 1970	USA Armor Center at Fort Knox KENTUCKY	Vietnamese Liaison officer

11/70 - 5/1971	3 rd Armored Cavalry Squadron	US Advisory Team 4 th Armored Cavalry Brigade US advisory team
6/1971 - 2/1972	9 th Cavalry Squadron	
10/1972 - 12/1973	12 th Cavalry Squadron	
1/1974 - 4/1975	16 th Cavalry Squadron	

SECTION 8 : EDUCATION OUTSIDE VIETNAM

a. Explain why the training or schooling was outside VN?

- To get my military career advanced

b. Who paid for it? US Government

SECTION 9 : COMMENTS AND REMARKS

Herewith :

- 12 Copies of Certificate of Birth
- 2 Copies of Certificate of Marriage
- 1 Copy of Certificate of Release

SECTION 10 : CERTIFICATION

I affirm that all the information on this questionnaire is true and understand that any false statement could prevent me from going to the United States.

Date July 17, 1988, signature
of applicant.

Thanh

LÊ VĂN THÀNH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ- PHÁP
Secrétariat d'Etat à la Justice

SỞ TƯ- PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA *Phủ vịnh (Bravinh cũ)*
(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

làng Phong thời

Đỉnh Vĩnh Long

(NAM-PHẦN)
(Sud Vietnam)

NĂM *1933*
(Année)

SỐ HIỆU *63*
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	<i>Lê văn Thành</i>
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	<i>trai</i>
Sanh ngày nào (Date de naissance)	<i>15 Mars 1933</i>
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	<i>Phong thời</i>
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	<i>Lê văn Lai</i>
Cha làm nghề gì (Sa profession)	<i>Instituteur</i>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<i>Phong thời</i>
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	<i>Trần thị Ngọc</i>
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<i>Phong thời</i>
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	<i>Vợ chánh</i>

Chúng tôi,
(Nous)

Chánh- án Tòa
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M.)

Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

Trích y bản chánh
(Pour extrait conforme)

Phủ vịnh ngày *28-4-1958*

CHÁNH LỤC-SỰ.
LE GREFFIER EN CHEF.

Phủ vịnh ngày *28-4-1958*



Nguyễn văn

Giá tiền :
(Coût)
Biên lai số :
(Quittance no)

Đã off 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng
còn lại 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng

Sóc Tâm Đức

Đã off 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng
còn lại 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng

Hành : Kiem Sao : Co Truc : Truc

Cũ : Khuê Khuê
Nên : Lân Xuân Tô ianh
Đã off 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng

Đã off 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng
còn lại 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng

Đã off 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng
còn lại 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng

Đã off 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng
còn lại 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng

Đã off 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng
còn lại 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng

Đã off 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng
còn lại 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng

Đã off 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng
còn lại 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng

Đã off 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng
còn lại 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng

Đã off 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng
còn lại 2 máy 2 em bích lúc 6 giờ sáng

NAM-VIET
(SUD VIET-NAM)

VIET-NAM CỘNG-HÒA
(ÉTAT DU VIET-NAM)

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT-NAM
(ÉTAT DU VIETNAMIEN)

Quận _____
(Délégation)
Tông _____
(Canton)
Làng _____
(Village)

BỘ TRÍCH-LỤC BỘ HÔN THỦ NĂM _____ (BƯC) _____
(Extrait du registre des actes et mariage de l'année) _____ degré _____)
LÀNG _____ TỈNH _____ NAM-VIET
(Village) (Province) (Sud Viet-Nam)
NĂM _____ SỐ HIỆU _____
(Année) (Acte N°)

Tên, họ người chồng (Nom et prénoms de l'époux)	LÀ-VAN-THÀNH
Sinh tại chỗ nào (Lieu de sa naissance)	Phong-Thối (Vinhlong)
Sinh ngày nào (Date de sa naissance)	Ngày mười lăm tháng ba dương lịch năm một chín trăm ba mươi ba (15-3-1933)
Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói) (Nom et prénoms du père de l'époux) — indiquer si elle est vivante ou décédée —	LÀ-VAN-LAI (sống)
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói) (Nom et prénoms de la mère de l'époux) — indiquer si elle est vivante ou décédée —	Trần-thị-Ngo (sống)
Tên, họ người vợ (Nom et prénoms de l'épouse)	Hai-thị-Bách-Thảo
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh
Sinh tại chỗ nào (Lieu de sa naissance)	Ville de Vientiane
Sinh ngày nào (Date de sa naissance)	Ngày hai tháng năm dương lịch năm một nghìn chín trăm ba mươi bảy (2-5-1937)
(Tên họ, cha vợ (sống chết phải nói) (Nom et prénoms du père de l'épouse) — indiquer si elle est vivante ou décédée —	Hai-xuân-Vy (sống)
Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói) (Nom et prénoms de la mère de l'épouse) — indiquer si elle est vivante ou décédée —	Nguyễn-thị-Thước (sống)
Ngày kết hôn (Date du mariage)	một tháng tám 1938

Chúng tôi _____
(Nous)

Quận-Trưởng quận _____
(Délégué Administratif)

Chúng cho hợp-pháp chữ ký tên ngang đây _____
(Certifions l'authenticité des signatures apposées ci-contre)

Hội-đồng Hương-Chính làng _____
Conseillers communaux du village)

ngày _____ tháng _____ năm 196 _____
le _____

Quận-Trưởng,
(Délégué Administratif)

Sao lục như trong bộ
(Pour extrait conforme)

_____ , ngày _____ tháng _____ năm 196 _____
_____ , le _____

Tổng Thư ký,
(Secrétaire général)

Ủy-viên Hộ-tịch,
(Conseiller à l'Etat Civil)

PHAN-TÔNG-TRƯỚC

LÊ-NGỌC-MỆO
Đại-Điện XH

Lệ phí _____
(Coût)

Biên lai số _____
(Quittance N°)

(tên tiếp trong sau) . . .

Hai vợ chồng chúng tôi ký tên dưới đây
là Lê-văn-Thành và Mai-thị-Bạch-Thảo đồng
nhin nhận hai đứa nhỏ có tên dưới đây là
con chanh thức của chúng tôi sinh đẻ.

1. Lê-anh-Phuong, phái nữ, sinh ngày
hai mươi lăm tháng năm dương lịch năm 1956
(25-5-1956) tại Quận Nhì Saigon, có khai sanh
số hiệu: 7733.

Và 2. Lê-anh-Trang, phái nữ, sinh ngày ba
mười tháng mười một dương lịch năm 1957 (30-
11-1957) tại Quận ba Saigon, có khai sanh
số hiệu: 12.545-

LongChau, ngày một tháng tám 1958

-- Vợ: Mai-thị-Bạch-Thảo (ký tên)
Chồng: Lê-văn-Thành (ký tên)

LongChau, ngày 10/7/1964
Hội-Viên Hộ-Tịch,


PHAN-TÔNG-TRÙNG

PROVINCE de VIENTIANE

TRICH LUO Y NHU BAN CHANH

ACTE de NOTORITE

tenant lieu d'Acte de Naissance

N° 152

-000-



Nom et prénoms de l'enfant

MAI-THI-BACH-THAO

Son sexe

Féminin

Lieu de naissance

Ville de Vientiane

Date de naissance

Deux Mai Mil Neuf Cent
trente sept (2-5-37)

Nom et prénoms de son père

MAI-XUAN-VY

Sa profession

Surveillant P.T.T Vientiane

Son domicile

Rue du BOUN Vientiane

Nom et prénoms de sa mère

NGUYEN-THI-THUOC

Sa profession

Ménagère

Son domicile

Ville de Vientiane LAOS

Son rang de femme mariée

Légitime de deuxième rang

Nom et prénoms du déclarant

MAI-XUAN-VY

Son âge

26 ans

Sa profession

Surveillant P.T.T Vientiane

Son domicile

Rue du BOUN Vientiane



Nom et prénoms du 1er témoin : LE-VAN-THANG

Son âge : 34 ans

Sa profession : Chauffeur d'auto

Son domicile : Ville de Vientiane

Nom et prénoms du 2è témoin : TRAN-KE-TU

Son âge : 32 ans

Sa profession : Tailleur Annamite

Son domicile : Rue du BOUN Vientiane

Nom et prénoms du 3è témoin : NGUYEN-VAN-HAI

Son âge : 31 ans

Sa profession : Mécanicien chauffeur
Mairie Vientiane

Son domicile : Rue du BOUN Vientiane

Le déclarant,

signé

A Vientiane, le 9 Juin 1937

L'Officier de l'Etat Civil

Les témoins

signé illisible

Signés : Illisibles

Vu pour légalisation de la signature
de M. NGUYEN-VAN-DUOC, Tong-Truong des
Annamites.

Officier de l'Etat Civil

A Vientiane, le 9 Juin 1937

P. Le Résident de France et P.O.
L'Adjoint

signé illisible



NAM-PHẦN

ĐÔ-THÀNH SAIGÒN

H.5 QUẬN 3

Số hiệu 12.545

Ư



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

NĂM Một ngàn chín trăm năm mươi bảy (1957)

Imo. Jph Ng vau-Viet. Saigon 1057-56 DI.CI.

Khai nhìn đứa nhỏ là con
tư sinh của tôi và của
Mai thị Bách-Thảo và bằng
lòng cho nó lấy theo họ
cha.

Saigon, ngày 2.12.1957

Ký tên : Lê văn Thành

Được Lê văn Thành và
Mai thị Bách-Thảo nhìn
nhận là con tại Long-Châu
(Vĩnh Long) ngày một tháng
tám năm một ngàn chín trăm
năm mươi tám.

Vì Lê-văn-Thành và Mai-
thị Bách-Thảo đã lập hôn-
thứ bực nhất tại Long-
Châu (Vĩnh Long) ngày
1.8.1958, nên Lê-anh-Trang
được đứng vào hàng con
chánh thức của hai vợ
chồng ấy.

Long-Châu, ngày 9.8.1958

Hội viên Hộ-tịch,
Ký tên : Không đọc được

Saigon, ngày 27.8.1958

Trưởng quận quận ba,
Hộ tịch viên,
Ký tên : Nguyễn văn Thân

Saigon, ngày 24.1.1959

Trưởng quận quận ba,

Tên, họ đứa nhỏ	Lê-anh-Trang
Phái	Nữ
Sinh ngày nào	Ba mươi tháng mười một năm một ngàn chín trăm năm mươi bảy 8giờ
Tại	Saigon, 89 đại lộ Trần quang Khải
Tên, họ người cha	Lê văn Thành
Tuổi	Hai mươi bốn tuổi
Nghề	Sĩ quan Q.D.C.H.V.N.
Trú tại	Saigon, 120 đường Trần khánh Du
Tên, họ người mẹ	Mai-thị-Bách-Thảo
Tuổi	Hai mươi tuổi
Nghề	Nội trợ
Trú tại	Saigon, 120 đường Trần khánh Du
Vợ chánh hay thứ	

Lập tại Saigon, ngày 2 tháng 12 năm 1957

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH :

SAIGON, ngày 24 tháng 1 năm 1959

T. U. N. ĐÔ-TRƯỞNG SÀI GÒN

Trưởng Quận, Quận Ba,

Miễn lệ phí

Nộp vào hồ sơ quân

NGUYỄN-VĂN-THÂN
Trưởng Quận Quận Ba



NAM-PHẦN

ĐÔ - THÀNH SAIGON

T QUẬN BA

Số hiệu 6890



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

NĂM MỘT NGÀN CHÍN TRĂM NĂM MƯỜI BẢY (1957)

Nhà in Nguyễn Trung-Thành - Saigon

Tên, họ đưa nhỏ	NGUYỄN TÂN TIẾN
Phái	Nam
Sanh ngày nào	Mười một tháng bảy năm một ngàn chín trăm năm mươi bảy 4 giờ 40
Tại	Saigon, 369 đường Lê văn Duyệt
Tên, họ người cha	Nguyễn ngọc Dân
Tuổi	Ba mươi chín tuổi
Nghề	Giáo sư
Trú tại	Saigon, 46 đường Lê văn Duyệt
Tên, họ người mẹ	Không thị Bút
Tuổi	Ba mươi bốn tuổi
Nghề	Nội trợ
Trú tại	Saigon, 46 đường Lê văn Duyệt
Vợ chánh hay thứ	vợ chánh



TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH : 7

Saigon, ngày 22 tháng 7 năm 1957

T. U. N. ĐÔ-TRƯỞNG SAIGON

Trưởng-Quận, Quận Ba,



NGUYỄN-VĂN-THÂN
Trưởng-Quận, Quận Ba

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số HT 12/P3

Xã, Phường 17

QB số

Huyện, Quận 3

Ngày

Tỉnh, Thành phố HCM

Số 31
Quyển số e

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên Nguyễn Tân Tiến

Lê Anh Trang

Bí danh

Sinh ngày tháng 11-7-1957

30-11-1957

năm hay tuổi

Dân tộc kinh

kinh

Quốc tịch Việt

Nam

Nghề nghiệp công nhân viên

công nhân viên

Nơi đăng ký 212/11/2 Nguyễn Huệ

13/27 Đ. Ky. Đông

nhân khẩu Thị trấn F3 Q3 TP HCM

F17 Q3 TP HCM

thường trú

Số giấy chứng minh nhân dân: 020115691

020245732

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 25 tháng 4 năm 1985

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. ỦY BAN D. TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tân Tiến

Lê Anh Trang

Sở Văn Phòng



MTu HT3/P3

Số 45
Quyển số 02

TRÍCH-LỤC KHAI - SANH

Số hiệu 157



Ấu nhi	LÊ ANH THANH
Tên, họ	
Phái	NỮ
Sanh ngày, tháng, năm	Ngày BỐN tháng CHÍN năm MỘT NGÀN CHÍN TRĂM NĂM MƯƠI CHÍN lúc MƯƠI SÁU GIỜ MƯƠI LĂM phút (4.9.59 lúc 16 giờ 15)
Tại	KHU PHỐ 3 - THỊ XÃ QUI-NHƠN - tỉnh BÌNH ĐỊNH
Cha	LÊ VĂN THÀNH
(Tên, họ)	
Tuổi	HAI MƯƠI SÁU TUỔI (26 tuổi)
Nghề-nghiep:	SI - QUAN QDVNCH.
Cư trú tại :	số nhà 160 đường GIA - LONG (QUI-NHƠN)
Mẹ	MAI THỊ BÁCH-THẢO
(Tên, họ)	
Tuổi	HAI MƯƠI HAI TUỔI (22 tuổi)
Nghề-nghiep :	NỘI TRỢ
Cư - trú tại :	số nhà 160 đường GIA- LONG (QUI-NHƠN)
Vợ (chánh hay thứ)	CHÁNH
Người khai:	LÊ VĂN THÀNH
(Tên, họ)	
Tuổi	HAI MƯƠI SÁU TUỔI (26 tuổi)
Nghề nghiệp :	SI - QUAN QDVNCH.
Cư-trú tại :	số nhà 160 đường GIA- LONG (QUI-NHƠN)
Ngày khai :	Ngày BẢY tháng CHÍN năm MỘT NGÀN CHÍN TRĂM NĂM MƯƠI CHÍN (7.9.59)
Người chứng thứ nhất:	HỮA NGOẢNH
(Tên, họ)	
Tuổi:	BỐN MƯƠI MỘT TUỔI (41 tuổi)
Nghề nghiệp	QUÂN NHÂN QDVNCH.
Cư trú tại	số 83-KHU PHỐ 2, đường TẮNG BẠT HỒ (QUI-NHƠN)
Người chứng thứ nhì:	ĐOÀN NGỌC MIÊN
(Tên, họ)	
Tuổi:	BA MƯƠI HAI TUỔI (32 tuổi)
Nghề-nghiep :	QUÂN NHÂN QDVNCH.
Cư-trú tại :	số nhà 85 đường LÊ LỢI - THỊ XÃ QUI-NHƠN

Làm tại KHU PHỐ 3 ngày 7 tháng 9 năm 1959

Người khai,

Hô-lai,

Nhân-chứng,

Ký tên : LÊ VĂN THÀNH

Ký tên :

- 1- HỮA NGOẢNH
- 2- ĐOÀN NGỌC MIÊN

VAN-HOA



CHUNG THAY CHU KY CUA ONG.

MIỄN PHÍ

CHUNG-THAY CHU KY
tên ông VĂN-HOÀ LÊ ANH THANH
Hố tịch H.Đ.H.C. Khu Phố 3



NAM - PHÂN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH Vĩnh Long
QUẬN Châu - ThànhXÃ Long - Châu

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT - NAM

BẢN TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1964XÃ Long - Châu TỈNH Vĩnh Long (NAM - PHÂN)SỐ HIỆU 1823

Tên họ đứa con nít	Lê-Anh-Lê
Nam nữ	Nữ
Sinh ngày nào	Ngày hai mươi chín tháng sáu dương lịch
Sinh tại chỗ nào	năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn Long-Châu (Vĩnh Long)
Tên họ cha	Lê-Anh-Thành
Cha làm nghề gì	Đại Úy Q.L.V.N.C.H.
Nhà cửa ở đâu	Long-Châu (Vĩnh Long)
Tên họ mẹ	Mai-Thị-Bách-Thảo
Mẹ làm nghề gì	Nội-Trợ
Nhà cửa ở đâu	Long-Châu (Vĩnh Long)
Vợ chánh hay thứ	Vợ-Chánh (hôn thú số: 50/1958 Long-Châu (Vĩnh Long))

Trích y bản chánh

Long-Châu, ngày 8 tháng 12 năm 1964

Viên Hộ-Tịch,



Lệ - phí _____

Biên lai số _____

NAM - PHẦN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Tỉnh VINH-LONG
 Quận CHAU-THANH
 Xã TAN-AN

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT-NAM

BỒN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1969
 (XÃ TAN-AN TỈNH VINH-LONG NAM-PHẦN)

SỐ HIỆU 293

Tên, họ đưa con nít	LÊ - ANH - QUÂN
Nam nữ	Nam
Sanh ngày nào	Ngày hai mươi sáu tháng năm, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (26-5-1.969)
Sanh tại chỗ nào	Tân-An (Vĩnh-Long)
Tên họ cha	LÊ - VĂN - THÀNH
Cha làm nghề gì	Quân - nhân
Nhà cửa ở đâu	Tân-An (Vĩnh-Long)
Tên họ mẹ	MAI - THỊ - BÍCH - THẢO
Mẹ làm nghề gì	Nội - trợ
Nhà cửa ở đâu	Tân-An (Vĩnh-Long)
Vợ chánh hay thứ	Vợ - Chánh

Chúng tôi

Trích y bản chánh

Quận-Trưởng quận CHAU - THANH

Chứng cho hợp-pháp chữ ký tên ngang đây của

Ủy-Ban Hành-Chánh Xã TAN - AN

Vĩnh-Long, ngày 28 tháng 5 năm 1969
 Quận Trưởng,

Tân-An, ngày 28 tháng 5 năm 1969
 Chủ-Tịch kiêm Hộ-Tịch,



Biên lai số



NAM PHÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐỒ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

Tòa Hành-Chánh Quận **NHI**Số hiệu **7.733**

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

NĂM **MỘT NGÀN CHÍN TRĂM NĂM MUOI SAU (1956)**

Mẫu in tại: Ng-v-Việt Saigon. 6-60 DT

Tên, họ đứa nhỏ	LÊ ANH PHUONG
Phái	Nu
Ngày sanh	Ngày hai mươi lăm tháng năm, năm một ngàn chín trăm năm mươi sáu, 1956.
Nơi sanh	Saigon, I dương Phạm ngu Lee
Tên, họ người cha	LÊ VAN THANH
Tuổi	Hai mươi ba tuổi
Nghề-nghiệp	Si-Quan
Nơi cư-ngụ	Nhà-Bè, Gia-Dinh
Tên, họ người mẹ	MAI THI BACH-THAO
Tuổi	Mười chín tuổi
Nghề-nghiệp	Nồi tro
Nơi cư-ngụ	Nhà-Bè, Gia-Dinh
Vợ chánh hay thứ	

"Đã được Lê van Thành và Mai thi Bach-Thao nhận là con tại Long-Châu (Vinh-Long) ngày một tháng năm năm một ngàn chín trăm năm mươi sáu"

"Vị Lê van Thành và Mai thi Bach-Thao đã lập hôn thu bức nhứt tại Long-Châu (Vinh-Long) ngày một tháng năm năm một ngàn chín trăm năm mươi sáu nên Lê Anh Phuong được đăng vào hàng con chánh thức của hai vợ chồng ấy"

Saigon, ngày 25-8-1958

Hộ-tịch viên,

Bý tằng **TRẦN VĂN NANG**QUAN **NHI**,**TRẦN VĂN NANG**

T. PH. A

Lập tại Saigon, ngày **30 / 5 / 1956**
TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH :Saigon, ngày **16** tháng **12** năm **1960**Quan-Trưởng, Quận **NHI**, 8**TRẦN VĂN NANG**

T. PH. A

1960

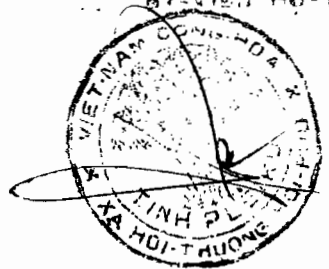
KHAI SINH

Tên, họ ấu nhi :	LÊ ANH HOÀNG
Phái :	NAM
Sinh : (Ngày, tháng, năm)	HAI MUOI TAM tháng BAY năm MỘT NGÀN CHIN TRAM SÁU MUOI (28 .7. 1960).
Tại :	xã HỘI THƯƠNG HỘI PHU quận LÊ TRUNG -PLEIKU-
Cha : (tên, họ)	LÊ VĂN THÀNH
Tuổi :	sinh năm 1933
Nghề :	Quân Nhân
Cư trú :	xã HỘI THƯƠNG HỘI PHU quận LÊ TRUNG -PLEIKU-
Mẹ : (tên, họ)	MAI THỊ BẠCH-THẢO
Tuổi :	sinh năm 1937
Nghề :	Hội trợ
Cư trú tại :	xã HỘI THƯƠNG HỘI PHU quận LÊ TRUNG -PLEIKU-
Vợ : (Chánh hay thứ)	VỢ CHÁNH
Người khai : (tên, họ)	LÊ VĂN THÀNH
Tuổi :	sinh năm 1933
Nghề :	Quân Nhân
Cư trú tại :	xã HỘI THƯƠNG HỘI PHU quận LÊ TRUNG -PLEIKU-
Ngày khai :	BA MUOI tháng BAY năm MỘT NGÀN CHIN TRAM SÁU MUOI (30 .7. 1960).
Người chứng thứ nhất : (tên họ)	TRẦN ĐÌNH SẮC
Tuổi :	sinh năm 1932
Nghề :	Quân Nhân
Cư trú tại :	xã HỘI THƯƠNG HỘI PHU quận LÊ TRUNG -PLEIKU-
Người chứng thứ nhì : (tên, họ)	TRẦN CÔNG GIÁC
Tuổi :	sinh năm 1937
Nghề :	Quân nhân
Cư trú tại :	xã HỘI THƯƠNG HỘI PHU quận LÊ TRUNG -PLEIKU-

Lập tại Xã PLEIKU ngày BA MUOI tháng BAY năm MỘT NGÀN CHIN TRAM SÁU MUOI.

Người khai,	Hộ lại,	Nhân chứng,
LÊ VĂN THÀNH ký	NGUYỄN VĂN NHỊ	TRẦN ĐÌNH SẮC ký
		TRẦN CÔNG GIÁC ký

PHUN 1-LUC
Pleiku ngày 11 tháng 11 năm 1960
ĐIỀU HÀNH
Xã Hội Thương Hội-Phu
BỘ VIÊN HỘ TÌM



NGUYỄN-ĐÌNH-HIỆN

CHỨNG THỰC
Chữ ký cũ Ông
Nguyễn đình Hiến
PLEIKU, ngày 11 tháng 11 năm 1960
[Signature]



NAM PHẦN

VIỆT NAM

CỘNG HÒA

Tỉnh Vĩnh Long
 Quận Châu Thành
 Xã Long Châu

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT NAM

BẢN TRÍCH LỤC KHAI SANH NĂM 1961(XÃ Long Châu TỈNH Vĩnh Long NAM PHẦN)SỐ HIỆU 3030

Tên họ đứa con nít	<u>Lê-Anh-Tâm</u>
Nam nữ	<u>Nữ</u>
Sanh ngày nào	<u>Ngày ba tháng mười một dương lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi một</u>
Sanh tại chỗ nào	<u>Long-Châu (Vĩnh Long)</u>
Tên họ cha	<u>Lê-Văn-Thành</u>
Cha làm nghề gì	<u>Trung-Úy và L.Vũ-Ch.</u>
Nhà cửa ở đâu	<u>Long-Châu</u>
Tên họ mẹ	<u>Mai-Thị-Bách-Thảo</u>
Mẹ làm nghề gì	<u>Mô-Tơ</u>
Nhà cửa ở đâu	<u>Long-Châu</u>
Vợ chánh hay thứ	<u>Vợ-Chánh</u> (hôn thú số 59/1958 Long-Châu (Vĩnh Long))

Sao lục như trong bộ

MIỄN THỰC

Long-Châu ngày 12 tháng 11 năm 19 71

Lệ phí _____

Biên lai số _____

KHAI SANH

Thị-thực chủ ký tên của
U.B.H.C.I. Tân - An

Vĩnh-Long, ngày

TL. QUAN TRƯỞNG
PHÓ QUAN TRƯỞNG



SAO Y BỐN CH ẦNH

Tân-An, ngày, 11/2/66

Chủ tịch K/V.V Hộ tịch,

Phạm Văn Ngưu
PHẠM-VĂN-NGƯU

Ấu-nhi: (Tên họ)	L [^] - ANH - THO
Phái:	Nữ
Ngày khai sinh: ngày 11 tháng 2 năm 1966 (3-2-1966)	
Tại:	Tân-An (Vĩnh-Long)
Cha: (Tên họ)	L [^] - Văn - Thanh
Tuổi:	Ba mươi ba tuổi
Nghề-nghiệp:	Quan nhân
Cư-trú tại:	Tân-An (Vĩnh-Long)
Mẹ: (Tên họ)	Mai-thị Bạch-Thảo
Tuổi:	Hai mươi chín tuổi
Nghề-nghiệp:	Hội trợ
Cư-trú tại:	Tân-An (Vĩnh-Long)
Vợ (chánh hay thứ):	Vợ chánh
Người khai:	L [^] - Văn - Thanh
Tuổi:	Ba mươi ba tuổi
Nghề-nghiệp:	Quan nhân
Cư-trú tại:	Tân-An (Vĩnh-Long)
Ngày khai:	Ngày 7 tháng 2 năm 1966
Người chứng thứ nhất: (Tên họ)	Nguyễn-Văn-Bình
Tuổi:	Ba mươi lăm tuổi
Nghề-nghiệp:	Quan nhân
Cư-trú tại:	Tân-An (Vĩnh-Long)
Người chứng thứ hai: (Tên họ)	Nguyễn-Văn-Yên
Tuổi:	Ba mươi hai tuổi
Nghề-nghiệp:	Quan nhân
Cư-trú tại:	Tân-An (Vĩnh-Long)

Làm tại Tân - An, ngày 7 tháng 2 năm 1966

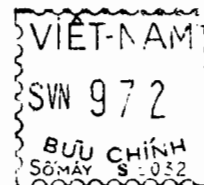
NGƯỜI KHAI,
(Ký tên)

HỘ-LAI:
(Ký tên)

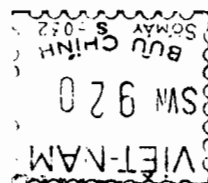
NHÂN CHỨNG,
(Ký tên)

Phạm-Văn-Ngưu

From: LÊ VĂN THÀNH
13C/27. Đường KỸ ĐỒNG/Quận 3
TP. HCM.



To: NGUYEN LAN BÉ (THC)
P.O. Box - 5435
Arlington -



V.A. 22205-0635
(U.S.A.)



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : ____ Yes, ____ No
EXIT VISA: ____ Yes ____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE VAN THANH
Last Middle First

Current Address 13C/27 Ky-dong-Q3-Ho Chi Minh City
Date of Birth 03-15-1933 Place of Birth Vinh-Long

Previous Occupation (before 1975) L. Colonel.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 04.30.75 To 9-22-1984

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>LE ANH THO</u>	<u>son</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
MAI THI BACH THAO	5-2-1937	wife
LE ANH THANH	9-4-59	daughter
LE ANH LE	6-29-64	daughter
LE ANH QUAN	5-26-69	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Singon, ngày 20.7.88

Thưa chị Chị,

Tôi, LÊ VĂN THẠNH, là người quen biết với anh NGHĨA trên 30 năm qua, và thường ở làm việc chung luôn; từ ngày ra khỏi TRẠI TẬP TRUNG năm 1984, tôi có được biết nhiều anh em được chị giúp đỡ, chị dẫn lập thủ tục hồ sơ xin tái định cư tại Mỹ. Về rồi, được anh NGUYỄN ĐỨC AN kể đến anh NGHĨA bảo tôi nên liên lạc với chị để được chị biết đến mà giúp đỡ.

Thưa chị, theo đây tôi có gửi đến chị một hồ sơ xin tái định cư tại Mỹ. (do con tôi, LÊ ANH THỎ chuyển tiếp).

Nồng lòng mong ngóng kết quả do sự giúp đỡ của chị. Mọi sự chị dẫn cũng liên lạc điện thoại để báo tin cho tôi, xin chị đừng địa chỉ của con tôi, hiện cư ngụ tại Mỹ.

LÊ ANH THỎ

2810 DORCHESTER Dr #326

OKLAHOMA city OK. 73120 -USA.

Chúc chị luôn được khỏe mạnh, và cầu mong anh-chị sớm được đoàn tụ.

Địa chỉ tại VN:

LÊ ANH LÊ
134/27, Kypông Q3
TP Hồ Chí Minh, VN.

Rất cảm ơn chị,

Thanh!

LÊ VĂN THẠNH

6- Siblings :

III.- RELATIVE OUTSIDE OF VIET NAM :

A.- Closest relative in the U.S

OF ME

OF MY SPOUSE

1. LÊ ANH THẢO - DAUGHTER -
2. LÊ PHƯƠNG ANH - SISTER

B.- Relative in other Foreign country

OF ME

OF MY SPOUSE

1. LÊ ANH PHƯƠNG - DAUGHTER -
2. LÊ ANH HOÀNG - SON -
3. LÊ ANH TÂM - DAUGHTER -

IV.- OVERSEA TRAINING PAID BY U.S GOVERNMENT :

- VIETNAMESE LIAISON OFFICER (AOD) at USA. ARMY SCHOOL in FORT KNOX KENTUCKY

V.- U.S AWARDS AND DECORATION :

- GOOD CONDUCT MEDAL (ALLIED OFFICER TRAINING DEPARTMENT)

**VI.- HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION ON UNTIL NOW
THE APPLICATION :**

NONE

VII.- COMMENT - REMARKS :

I would like to ask you for a letter of Introduction so that I could apply for exit permits from the Vietnamese authorities to let me and my family go to the United States of AMERICA as soon as possible.

VIII.- PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE :

- 1 copy of Release certificate
- 8 copies of Birth certificate
- 2 copies of Marriage certificate

SIGNATURE.

LÊ VĂN THÀNH

QUESTIONNAIRE FOR EX - POLITICAL PRISONER IN VIET NAM

++ 2 ++

Date : 21.7.1988,

I.- BASIC INFORMATION OF APPLICANT IN VIET NAM :

- 1.- Full name of ex - political prisoner : ^C LÊ VAN THANH
- 2.- Other name : NONE
- 3.- Date and place of birth : 15.3.1933 - VINH LONG
- 4.- Position, rank (Before April 1975) : LT/COL 16th Can. Sq. Commanding OFFICER
- Military serial Number : 53/108048
- 5.- Month, date, year arrested : APRIL 30, 1975
- 6.- Month, date, year, number of release certificate : #324 on AUG 28, 1984
- 7.- Month, date, year out camp : SEPTEMBER 22, 1984
- 8.- Present mailing address of Ex - political prisoner : 13/27 Kỵ Đồng St. Q.3 HCM
- 9.- Present residing address : 13/27 Kỵ Đồng St. Quận 3 TP. Hồ Chí Minh VN.

II.- LIST FULL NAME - DATE OF BIRTH - PLACE OF BIRTH OF EX POLITICAL PRISONER IMMEDIATE FAMILY AND FATHER - MOTHER :

A.- Relatives to accompany Ex - political prisoner to be considered for US country.

NUMBER :	NAME IN FULL :	DATE OF BIRTH :	PLACE OF BIRTH :	SEX :	RELATIONSHIP :	ADDRESS :
1	MAI THỊ BẠCH THẢO	MAY 2, 1937	VIETNAME (Lao)	F	WIFE	13/27 Kỵ Đồng St. Q.3 TP. Hồ Chí Minh
2	LÊ ANH TRANG	NOV. 30, 1957	SAIGON	F	DAUGHTER	Q.3 TP. Hồ Chí Minh
3	NGUYỄN VĂN TIẾN	JUL. 11, 1957	SAIGON	M	SON-in-LAW	-id-
4	NGUYỄN LÊ NHƯ LONG	SEP. 16, 1986	SAIGON	M	GRAND-SON	-id-
5	LÊ ANH THANH	SEP. 4, 1959	QUINH HON	F	DAUGHTER	-id-
6	LÊ ANH LÊ	JUN. 29, 1964	VINH LONG	F	DAUGHTER	-id-
7	LÊ ANH QUAN	MAY 26, 1969	VINH LONG	M	SON	-id-

B.- Complete Family listing (Living)/dead of Ex-Political Prisoner

- | Name : | Address : |
|-------------------------------|---|
| 1- Father : LÊ VAN LAI | - dead in 1974 - |
| 2- Mother : TRẦN THỊ NGỌ | - dead in 1979 - |
| 3- Spouse : MAI THỊ BẠCH THẢO | - living - 13/27 Kỵ Đồng St. Q.3 TP. Hồ Chí Minh |
| 4- Former spouse : | NONE |
| 5- Children : | |
| LÊ ANH TRANG | - living - 13/27 Kỵ Đồng St. Q.3 TP. Hồ Chí Minh |
| LÊ ANH THANH | - living - -id- |
| LÊ ANH LÊ | - living - -id- |
| LÊ ANH QUAN | - living - -id- |
| LÊ ANH THUẬN | - living - 304-10615-1109 St. EDMONTON ALTA CANADA |
| LÊ ANH HOANG | - living - #3-10616-123 St. EDMONTON ALBERTA CANADA |
| LÊ ANH TÂM | - living - 7258 D'IBERVILLE MONTREAL QUEBEC CANADA |
| LÊ ANH THO | - living - 2871 St. TER. ORLANDO FLA USA |

BỘ NỘI VỤ
Trại Hầm tạn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

Mẫu số 001-01.70, ban hành theo công văn số 222 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Số CRI

--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 324 ngày 23 tháng 03 năm 1984

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh LE VAN THANH Sinh năm 1933

Các tên gọi khác:

Nơi sinh Vĩnh Long

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 73 đường 3/2 thị xã Vĩnh Long, Cửu Long

Cán tội Trung tá thiết đoàn trưởng kỵ binh

Bị bắt ngày 2/5/75 Án phạt TRC

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tống án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 73 đường 3/2 thị xã Vĩnh Long, Cửu Long

Nhận xét quá trình cải tạo

Những: qua trình cải tạo không có biểu hiện gì xấu
chịu sự giáo dục của cách mạng

Lao động: tham gia đủ ngày, công hoàn thành công việc được giao

Hội quy: chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn

Học tập: tham gia đều có tiên bộ

(quản chế 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: Nơi trú quán

Trước ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

Lần tay ngón trỏ phải

Của Le Van Thanh

Danh bản số 340

Lập tại _____

Họ tên, họ lý

người được cấp giấy

LE VAN THANH

CHUYÊN

CHUYÊN

CHUYÊN

Ngày 2 tháng 03 năm 1984

P. Giám thị

Trịnh Đức Tỷ

Số đại ủy: Trịnh Đức Tỷ



Trịnh Đức Tỷ

CHÍNH Q3

Xác nhận: Lê Văn Cảnh -
có đủ trình diện tại phiên
Ngày 22-09-1984



Ngày 22-09-1984

P. Cảnh sát CA :

Lê Văn Cảnh

NAM-VIET
(SUD VIET-NAM)

VIET-NAM CỘNG-HÒA
(ÉTAT DU VIET-NAM)

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT-NAM
(ÉTAT DU VIETNAMIEN)

Quận Châu-Thành
(Délégation)
Tông Long-An
(Canton)
Làng Long-Châu
(Village)

BỘ TRÍCH-LỤC BỘ HỘN THỦ NĂM 1958 (BỤC) Khất
(Extrait du registre des actes et mariage de l'année) degré
LÀNG LONG-CHAU TỈNH VINH-LONG NAM-VIET
(Village) (Province) (Sud Viêt-Nam)
NĂM 1958 SỐ HIỆU 50-
(Année) (Acte N°)

Tên, họ người chồng (Nom et prénoms de l'époux)	<u>Lê-văn-Thành</u>
Sanh tại chỗ nào (Lieu de sa naissance)	<u>Phong-Thới (Vinhlong)</u>
Sanh ngày nào (Date de sa naissance)	<u>Ngày mười lăm tháng ba dương lịch năm một nghìn chín trăm ba mươi ba (15-3-1933)</u>
Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói) (Nom et prénoms du père de l'époux) - indiquer si il est vivant ou décédé -	<u>Lê-văn-Lai (sống)</u>
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói) (Nom et prénoms de la mère de l'époux) - indiquer si elle est vivante ou décédée -	<u>Trần-thị-Ngo (sống)</u>
Tên, họ người vợ (Nom et prénoms de l'épouse)	<u>Mai-thị-Bách-Thảo</u>
Vợ chánh hay vợ thứ (con rang de femme mariée)	<u>Vợ chánh</u>
Sanh tại chỗ nào (Lieu de sa naissance)	<u>Ville de Vientiane</u>
Sanh ngày nào (Date de sa naissance)	<u>Ngày hai tháng năm dương lịch năm một nghìn chín trăm ba mươi bảy (2-5-1937)</u>
(Tên họ, cha vợ (sống chết phải nói) (Nom et prénoms du père de l'épouse) - indiquer si elle est vivante ou décédée	<u>Mai-xuân-Vy (sống)</u>
Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói) (Nom et prénoms de la mère de l'épouse) - indiquer si elle est vivante ou décédée -	<u>Nguyễn-thị-Thước (sống)</u>
Ngày kết hôn (Date du mariage)	<u>một tháng tám 1958</u>

Chúng tôi
(Nous)

Quận-Trưởng quận Châu-Thành
(Délégué Administratif)

Chứng cho hợp-pháp chữ ký tên ngang đây của
(Certifions l'authenticité des signatures apposées ci-contre)

Hội-đồng Huân-Chính-làng Long-Châu
Conseillers communaux du village)

Vinhlong, ngày 10 tháng 7 năm 1964
le

Quận-Trưởng,
(Délégué Administratif)

Phó Quận-Trưởng

Trần-văn-Lân

Sao lục như trong bộ
(Pour extrait conforme)

Long-Châu, ngày 10 tháng 7 năm 1964
le

Tổng Thư ký,
(Secrétaire général)

Ủy-viên Hộ-tịch,
(Conseiller à l'Etat Civil)

Chấn-kien
Đại-Diện

Phan-Tôn-Trước

Lê-NGOC-Mỹ
Đại-Diện Xã

Lệ phí Hồ-Sơ Quản
(Coût)

Biên lai số nhân
(Quittance N°)

TE-Y-MAR

Đầu vợ chồng chúng tôi ký tên (đại diện) là
Lê và n-Thanh và Mai-t-1-Bach-Thao đồng nhìn
nhận hai đứa con có tên dưới đây là con ruột
của chúng tôi sinh đẻ (gần) (gần) (gần)
lo, Lê-anh-Phuong, phải nữ, sinh ngày
hai mươi lăm tháng năm dương lịch năm 1956
(25-5-1956) tại Quận 1 Saigon, có khai sinh
số hiệu: 7733.
(đại diện) (đại diện)
Đứa con là-anh-Lang, phải nữ, sinh ngày
ba mươi tháng mười một dương lịch năm 1957
(30-11-1957) tại Quận 3 Saigon có khai sinh
số hiệu: 12.543.

() ()
NAM VIET ()
()

Long Châu, ngày một tháng năm 1958
 Vợ: Mai-thị-Bạch-Thập (đầy tên)
 Con: Lê-văn-Tiến (đầy tên)

(Confidential) 100-400000

(5501-7-51) ad town ad mtrt nlio

(C-2a) 14-00000-5

(b)(3)(c) 00-100-10000

03112-1020-143-101

79-0000

UNITED STATES DEPARTMENT OF JUSTICE
FEDERAL BUREAU OF INVESTIGATION

trên ba mươi bảy (37-3-1977)

4-5100 10-1-59-2 4

(200) 600-4-115-1-1

Sept 20 - Oct 1954

[illegible]

100-441100-1000
 (100-441100-1000)

1995

1. The first step is to identify the problem or goal. This involves understanding the current situation and what needs to be achieved.

[illegible]

U.S. DEPARTMENT OF AGRICULTURE
WASHINGTON, D. C. 20250

[Illegible text]

Handwritten text: *Handwritten text, possibly a signature or name, written upside down.*

A-10-186

... ..

—

SECRET

1-10-1964

1963-1964 0112

100-101-102-103-104-105-106-107-108-109-110-111-112-113-114-115-116-117-118-119-120-121-122-123-124-125-126-127-128-129-130-131-132-133-134-135-136-137-138-139-140-141-142-143-144-145-146-147-148-149-150-151-152-153-154-155-156-157-158-159-160-161-162-163-164-165-166-167-168-169-170-171-172-173-174-175-176-177-178-179-180-181-182-183-184-185-186-187-188-189-190-191-192-193-194-195-196-197-198-199-200-201-202-203-204-205-206-207-208-209-210-211-212-213-214-215-216-217-218-219-220-221-222-223-224-225-226-227-228-229-230-231-232-233-234-235-236-237-238-239-240-241-242-243-244-245-246-247-248-249-250-251-252-253-254-255-256-257-258-259-260-261-262-263-264-265-266-267-268-269-270-271-272-273-274-275-276-277-278-279-280-281-282-283-284-285-286-287-288-289-290-291-292-293-294-295-296-297-298-299-300-301-302-303-304-305-306-307-308-309-310-311-312-313-314-315-316-317-318-319-320-321-322-323-324-325-326-327-328-329-330-331-332-333-334-335-336-337-338-339-340-341-342-343-344-345-346-347-348-349-350-351-352-353-354-355-356-357-358-359-360-361-362-363-364-365-366-367-368-369-370-371-372-373-374-375-376-377-378-379-380-381-382-383-384-385-386-387-388-389-390-391-392-393-394-395-396-397-398-399-400-401-402-403-404-405-406-407-408-409-410-411-412-413-414-415-416-417-418-419-420-421-422-423-424-425-426-427-428-429-430-431-432-433-434-435-436-437-438-439-440-441-442-443-444-445-446-447-448-449-450-451-452-453-454-455-456-457-458-459-460-461-462-463-464-465-466-467-468-469-470-471-472-473-474-475-476-477-478-479-480-481-482-483-484-485-486-487-488-489-490-491-492-493-494-495-496-497-498-499-500-501-502-503-504-505-506-507-508-509-510-511-512-513-514-515-516-517-518-519-520-521-522-523-524-525-526-527-528-529-530-531-532-533-534-535-536-537-538-539-540-541-542-543-544-545-546-547-548-549-550-551-552-553-554-555-556-557-558-559-560-561-562-563-564-565-566-567-568-569-570-571-572-573-574-575-576-577-578-579-580-581-582-583-584-585-586-587-588-589-590-591-592-593-594-595-596-597-598-599-600-601-602-603-604-605-606-607-608-609-610-611-612-613-614-615-616-617-618-619-620-621-622-623-624-625-626-627-628-629-630-631-632-633-634-635-636-637-638-639-640-641-642-643-644-645-646-647-648-649-650-651-652-653-654-655-656-657-658-659-660-661-662-663-664-665-666-667-668-669-670-671-672-673-674-675-676-677-678-679-680-681-682-683-684-685-686-687-688-689-690-691-692-693-694-695-696-697-698-699-700-701-702-703-704-705-706-707-708-709-710-711-712-713-714-715-716-717-718-719-720-721-722-723-724-725-726-727-728-729-730-731-732-733-734-735-736-737-738-739-740-741-742-743-744-745-746-747-748-749-750-751-752-753-754-755-756-757-758-759-760-761-762-763-764-765-766-767-768-769-770-771-772-773-774-775-776-777-778-779-780-781-782-783-784-785-786-787-788-789-790-791-792-793-794-795-796-797-798-799-800-801-802-803-804-805-806-807-808-809-810-811-812-813-814-815-816-817-818-819-820-821-822-823-824-825-826-827-828-829-830-831-832-833-834-835-836-837-838-839-840-841-842-843-844-845-846-847-848-849-850-851-852-853-854-855-856-857-858-859-860-861-862-863-864-865-866-867-868-869-870-871-872-873-874-875-876-877-878-879-880-881-882-883-884-885-886-887-888-889-890-891-892-893-894-895-896-897-898-899-900-901-902-903-904-905-906-907-908-909-910-911-912-913-914-915-916-917-918-919-920-921-922-923-924-925-926-927-928-929-930-931-932-933-934-935-936-937-938-939-940-941-942-943-944-945-946-947-948-949-950-951-952-953-954-955-956-957-958-959-960-961-962-963-964-965-966-967-968-969-970-971-972-973-974-975-976-977-978-979-980-981-982-983-984-985-986-987-988-989-990-991-992-993-994-995-996-997-998-999-1000-1001-1002-1003-1004-1005-1006-1007-1008-1009-1010-1011-1012-1013-1014-1015-1016-1017-1018-1019-1020-1021-1022-1023-1024-1025-1026-1027-1028-1029-1030-1031-1032-1033-1034-1035-1036-1037-1038-1039-1040-1041-1042-1043-1044-1045-1046-1047-1048-1049-1050-1051-1052-1053-1054-1055-1056-1057-1058-1059-1060-1061-1062-1063-1064-1065-1066-1067-1068-1069-1070-1071-1072-1073-1074-1075-1076-1077-1078-1079-1080-1081-1082-1083-1084-1085-1086-1087-1088-1089-1090-1091-1092-1093-1094-1095-1096-1097-1098

(Distance 7)

100

So hiện 63

NAISSANCE

Sanh



l'enfant

Lê. văn. Thành
nam

Date de naissance
Sanh ngày nào

15 Mars 1933

Lieu de naissance.
Sanh tại chỗ nào

Phong - Thời

Nom et prénoms de son père pour les Enfants nés hors mariage, le nom de la mère devra seul être indiqué.
Tên, họ cha (con sanh ngoài phép cưới kể tên họ mẹ mà thôi)

Lê. văn - Lai

Sa profession
Cha làm nghề gì

Instituteur

Son domicile
Nhà cửa ở đâu

Phong - Thời

Nom et prénoms de sa mère.
Tên, họ mẹ

Trần - Thị - Ngọ

Sa profession.
Mẹ làm nghề gì

Phong - Thời
vợ chánh

Son rang de femme mariée.
Vợ chánh hay là vợ thứ

Nom et prénoms du déclarant.
Tên, họ người khai

Lê. văn. Lai

Son âge
Mấy tuổi

ba mươi tuổi

Sa profession.
Làm nghề gì

Instituteur

Son domicile.
Nhà cửa ở đâu

Phong - Thời

Nom et prénoms du 1^{er} témoin.
Tên, họ người chứng thứ nhất

Trần. văn - Ngọ

Son âge
Mấy tuổi

ba mươi bảy tuổi

Sa profession.
Làm nghề gì

làm ruộng

Son domicile.
Nhà cửa ở đâu

Phong - Thời

Nom et prénoms du 2^{ème} témoin.
Tên, họ người chứng thứ nhì

Nguyễn. văn. Nhiên

Son âge
Mấy tuổi

ba mươi ba tuổi

Sa profession.
Làm nghề gì

làm ruộng

Son domicile.
Nhà cửa ở đâu

Phong - Thời

(1) Marge réservée pour la mention, en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état-civil.

(1) Lê chưa đề mà lược biên án tòa cái giấy khai sanh lại.

TRUNG THÁNH
17 Mars 1944

A Phong - Thời, le 17 Mars 1944

Le Déclarant,
Người khai,

L'Officier de l'Etat Civil,
Chức việc coi bộ đời,

Les Témoins,
Các người chứng,

Lê. văn. Lai

Văn

Trần. văn. Ngọ

Nguyễn. văn. Nhiên

NOTA. — Les blancs non utilisés devront être remplis par un trait.
Phải biết. — Chỗ trắng không dùng tới thì phải kéo một nét.

PROVINCE de VIENTIANE

TRICH LUC Y NHU BAN CHANH

ACTE de NOTORITE

tenant lieu d'Acte de Naissance

N° 152

-eGe-
-:-



Nom et prénom de l'enfant	MAI-THI-BACH-THAO.
Son sexe	Féminin
Lieu de naissance	Ville de VIENTIANE
Date de naissance	Deux Mai Mil neuf cent trente sept. (2-5-1937)
Nom et prénom de son père	MAI-XUAN-VY
Sa profession	Surveillant P.T.T Vientiane
Son domicile	Rue du BOUN Vientiane
Nom et prénom de sa mère	NGUYEN-THI-THUOC
Sa profession	Ménagère
Son domicile	Ville de Vientiane LAOS
Son rang de femme mariée	Légitime de deuxième rang
Nom et prénom du déclarant	MAI-XUAN-VY
Son âge	26 ans
Sa profession	Surveillant P.T.T Vientiane
Son domicile	Rue du BOUN Vientiane



Nom et prénoms du 1er témoin

LE-VAN-THANG

Son âge

34 ans

Sa profession

Chauffeur d'auto

Son domicile

Ville de Vientiane

Nom et prénoms du 2è témoin

TRAN-KE-TU

Son âge

32 ans

Sa profession

Tailleur Annamite

Son domicile

Rue du BOUN Vientiane

Nom et prénoms du 3è témoin

NGUYEN-VAN-HAI

Son âge

31 ans

Sa profession

Mécanicien chauffeur Mairie Vientiane

Son domicile

Rue du BOUN Vientiane

Le déclarant,

A Vientiane, le 9 Juin 1937

Signé

L'Officier de l'Etat Civil

Les témoins

Signé illisible

Signés : Illisibles

Vu pour légalisation de la signature
de M. NGUYEN-VAN-DUOC Tông-Truong des
Annamites.

Officier de l'Etat Civil

A Vientiane, le 9 Juin 1937

P. Le Résident de France et p.o

L'Adjoint

Cachet *signé* Illisible



T.O.N. DU-TRUONG SAIGON-CHOLON
TRUONG QUAN-QUAN-BA

Signé

NAM-PHẦN

ĐỒ - THÀNH SAIGON

T QUẬN BA

Số hiện 6890



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

NĂM MỘT NGÀN CHÍN TRĂM NĂM MƯỜI BẢY (1957)

Nhà In Nguyễn Trung-Thành - Saigon

Tên, họ đưa nhỏ	NGUYỄN TÂN TIẾN
Phái	Nam
Sanh ngày nào	Mười một tháng bảy năm một ngàn chín trăm năm mươi bảy 4 giờ 40
Tại	Saigon, 369 đường Lê văn Duyệt
Tên, họ người cha	Nguyễn ngọc Dân
Tuổi	Ba mươi chín tuổi
Nghề	Giáo sư
Trú tại	Saigon, 46 đường Lê văn Duyệt
Tên, họ người mẹ	Không thị But
Tuổi	Ba mươi bốn tuổi
Nghề	nội trợ
Trú tại	Saigon, 46 đường Lê văn Duyệt
Vợ chánh hay thứ	vợ chánh

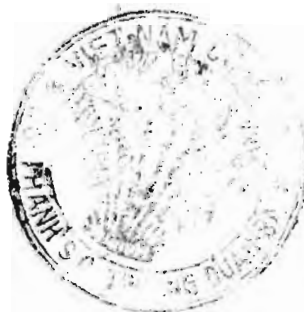


TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH : T

Saigon , ngày 22 tháng 7 năm 1957

T. U. N. ĐỒ-TRƯỞNG SAIGON

Trưởng-Quận, Quận Ba,



[Handwritten signature]

NGUYỄN-VĂN-THÂN
Trưởng-Quận, Quận Ba

NAM-PHẦN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

Tòa Hành-Chánh Quận Ba

H/5

Số hiệu 12545

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH



Khai nhìn đứa nhỏ; là
con tự sinh của tôi
và của Mai thị Bách-Thảo
và bằng lòng cho nó lấy
theo họ cha.
Saigon, ngày 2.12.1957
Ký tên Lê văn Thành.

NĂM

Một ngàn chín trăm năm mươi bảy (1957)

Nhà in Inh. Ng-vi-Việt Saigon. 4-60 DT

Được Lê văn Thành và
Mai thị Bách-Thảo nhìn
nhận là con tại Long-
Châu (Vinh Long) ngày
1.8.1958.

Vì Lê văn Thành và Mai
thị Bách-Thảo đã lập
hôn thê bực nhất tại
Long châu (Vinh long)
ngày 1.8.1958 nên
Lê anh Trang được đứng
vào hàng con chính thức
của hai vợ chồng ấy.-

Saigon, ngày 13.12.1960
QUAN TRƯỞNG QUẬN BA

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Lê anh Trang
Phái	Nữ
Ngày sanh	Ba mươi tháng mười một năm một ngàn chín trăm năm mươi bảy, 8 giờ
Nơi sanh	Saigon, 89 đại lộ Trần quang Khải
Tên, họ người cha . . .	Lê văn Thành
Tuổi	Hai mươi bốn tuổi
Nghề-nghiệp	sĩ quan Q.Đ.C.H.V.N.
Nơi cư-ngụ	Saigon, 120 đường Trần khánh Dư
Tên, họ người mẹ . . .	Mai thị Bách-Thảo
Tuổi	Hai mươi tuổi
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 120 đường Trần khánh Dư
Vợ chánh hay thứ . . .	---

Lập tại Saigon, ngày 2 tháng 12 năm 19 57

TRÍCH-LỤC Y. BẢN CHÍNH :

Saigon, ngày 13 tháng 12 năm 19 60

Quận-Trưởng, Quận Ba,



PHAM-CÔNG-KINH

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT 12/P3

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Phường 17

QB số

Huyện, Quận 3

Ngày

Tỉnh, Thành phố HCM

Số 81

Quyển số 2

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên Nguyễn Tân Tiến

Lê Anh Trang

Bí danh

Sinh ngày tháng 11-7-1957

30-11-1957

năm hay tuổi

Dân tộc kinh

kinh

Quốc tịch Việt

Nam

Nghề nghiệp công nhân viên

công nhân viên

Nơi đăng ký 212/11/1 Nguyễn Huệ

13/27 B. K. Đống

nhân khẩu Thị trấn F3 N. TP. HCM

F17 B3 TP. HCM

thường trú

Số giấy chứng minh nhân dân: 020115691

020245732

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 25 tháng 4 năm 1983

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

HỦ TỊCH

Nguyễn Tân Tiến

Lê Anh Trang

Đỗ Xuân Minh



Xã, Thị trấn Phước Mỹ

Thị xã, Quận Bà

Thành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

GIẤY KHAI SINH

Số 45

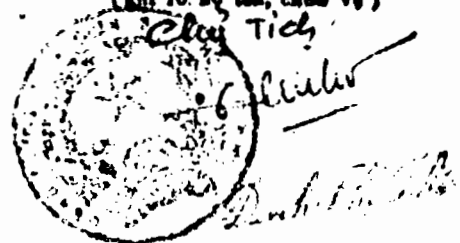
Quyển số 01

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>Nguyễn Lê Như Long</u>		Nam, nữ <u>nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>16-9-1986</u> <u>kiểu sáu tháng chín năm một chín tám sáu</u>		
Nơi sinh	<u>Bt. Phước Mỹ</u> <u>Tp. Hồ Chí Minh</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Tân Tiến</u> <u>1952</u>	<u>Lê Anh Trang</u> <u>1952</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Công nhân viên</u>	<u>Công nhân viên</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>212/11/8 Nguyễn Huệ</u> <u>P3/R2</u>	<u>13°/22 KỸ DŨNG</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê Anh Trang 29 tuổi</u> <u>13°/22 KỸ DŨNG</u> <u>CHND X' 0202 45232</u>		

Đã ký ngày 16 tháng 9 năm 1986

TM/UBND Phước Mỹ ký tên, đóng dấu
(Chữ rõ họ tên, chức vụ)



TRÍCH-LỤC KHAI SANH



Số hiệu **157**

Ấu nhi (Tên, họ)	LÊ-ANH-THÀNH
Phái	NỮ
Sinh ngày, tháng, năm	Ngày bốn tháng chín năm một ngàn chín trăm năm mươi chín lúc mười sáu giờ mười lăm phút. (4.9.1959 lúc 16 giờ 15)
Tại	Khu -Phố 3, Thị-Xã Qui-Nhơn, Tỉnh Bình-Dịnh.
Cha (Tên, họ)	LÊ-VAN-THÀNH
Tuổi	Hai mươi sáu tuổi (26 tuổi)
Nghề-nghiệp:	Sĩ-Quan QĐVNCH.
Cư trú tại :	160 đường Gia-Long (QUI-NHON)
Mẹ (Tên, họ)	MAI-THỊ-BÁCH-THẢO
Tuổi	Hai mươi hai tuổi (22 tuổi)
Nghề-nghiệp:	Nội Trợ
Cư -trú tại :	160 đường Gia-Long (QUI-NHON)
Vợ (chánh hay thứ)	Chánh
Người khai : (Tên, họ)	LÊ-VAN-THÀNH
Tuổi	Hai mươi sáu tuổi (26 tuổi)
Nghề nghiệp :	Sĩ-Quan QĐVNCH.
Cư-trú tại :	160 đường Gia-Long (QUI-NHON)
Ngày khai :	Ngày bảy tháng chín năm một ngàn chín trăm năm mươi chín .(7.9.1959.)
Người chứng thứ nhất : (Tên, họ)	HÒA-NGOẢNH
Tuổi :	Bốn mươi một tuổi (41 tuổi)
Nghề nghiệp	Quân-^hân QĐVNCH.
Cư trú tại	83 Khu-Phố 2, Đường Tăng-Bạt-Hổ Qui-Nhơn.
Người chứng thứ nhì : (Tên, họ)	ĐOÀN-NGỌC-MIÊN
Tuổi :	Ba mươi hai tuổi (32 tuổi)
Nghề-nghiệp :	Quân-^hân QĐVNCH.
Cư-trú tại :	85 đường Lê-Lợi ,Thị-Xã Qui-Nhơn .

Làm tại **Khu-Phố 3** , ngày **7 tháng 9 năm 1959**

Người khai,

Hô-lai,

Nhân-chứng,

Ký tên: **LÊ-VAN-THÀNH**

Ký TÊN **VĂN-HÒA**

Ký tên:

PHUN'S TRÍCH-LỤC
QUYNHON NGÀY 09/10/1959

HÒA-NGOẢNH

ỦY VIÊN HỘ-TỊCH

2- ĐOÀN-NGỌC-MIÊN

[Handwritten signature]

VAN-HOA



CHỨNG THỰC CHỦ KÝ CỦA ĐVC,
[Handwritten signature]

Đại Diện H.Đ.H.C. Khu Phố 3,
Quận Nhơn ngày 12 tháng 10 năm 1959
Kính Ủy Quyền Tỉnh Bình Định T.Ư.N
Phụ Trách Hành-Chánh Thị Xã Qui Nhơn



CHUNG-THAT CHỦ KÝ
CỦA ĐVC VÂN-HÒA Là Ủy Viên
Hộ Tịch H.Đ.H.C. Khu Phố 3

HỒ-CHÂU



NAM - PHÂN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH Vĩnh LongQUẬN Châu ThànhXÃ Long-Châu

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT



BẢN TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1954

XÃ Long-Châu TỈNH Vĩnh Long (NAM-PHẦN)SỐ HIỆU 1823-

Tên họ đứa con nít	<u>Lê-Anh-Lê</u>
Nam nữ	<u>Nữ</u>
Sanh ngày nào	<u>Ngày hai mươi chín tháng sáu dương lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn</u>
Sanh tại chỗ nào	<u>Long-Châu (Vĩnh Long)</u>
Tên họ cha	<u>Lê-Anh-Thành</u>
Cha làm nghề gì	<u>Đại-Ủy Q.L.V.N.C.H.</u>
Nhà cửa ở đâu	<u>Long-Châu (Vĩnh Long)</u>
Tên họ mẹ	<u>Mai-Thị-Bách-Thảo</u>
Mẹ làm nghề gì	<u>Nội-Trợ</u>
Nhà cửa ở đâu	<u>Long-Châu (Vĩnh Long)</u>
Vợ chánh hay thứ	<u>Vợ-Chánh</u> <u>(hôn thú số 250/1958 Long-Châu Vĩnh Long)</u>

Trích y bản chánh

Long-Châu, ngày 8 tháng 12 năm 1971

Viên Hộ-Tịch,



Lê - phi

Biên lai số

NAM - PHẦN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Tỉnh

VINH-LONG

Quận

CHAU-THANH

Xã

TÂN-AN

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT-NAM

BỒN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1969

(XÃ TÂN-AN TỈNH VINH-LONG)

SỐ HIỆU 293



Tên, họ đứa con nít	LÊ - ANH - QUÂN
Nam nữ	Nam
Sanh ngày nào	Ngày hai mươi sáu tháng năm, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (26-5-1.969)
Sanh tại chỗ nào	Tân-An (Vinh-Long)
Tên họ cha	LÊ - VĂN - THÀNH
Cha làm nghề gì	Quân - nhân
Nhà cửa ở đâu	Tân-An (Vinh-Long)
Tên họ mẹ	MAI - THỊ - DẠCH - THẢO
Mẹ làm nghề gì	Nội - trợ
Nhà cửa ở đâu	Tân-An (Vinh-Long)
Vợ chánh hay thứ	Vợ - Chánh

Chúng tôi

Trích y bồn chánh

Quận-Trưởng quận CHAU - THANH

Chúng cho hợp-pháp chữ ký tên ngang đây của

Ủy-Ban Hành-Chánh Xã TÂN - AN

Vinh-Long, ngày 28 tháng 5 năm 1969
Quận Trưởng,

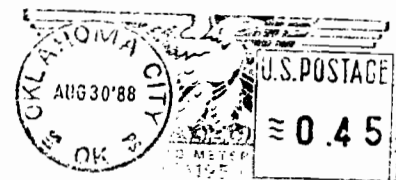
VÕ-QUANG-TỰ

Tân-An, ngày 28 tháng 5 năm 1969
Chủ-Tịch kiêm Hộ-Tịch,

Lê-phí HỒ SƠ QUÂN ĐỘI

Biên lai số

LÊ ANH THO



SEP 1 1988

TO: NGUYỄN VĂN BÊ (TH)

P.O BOX 5435

ARLINGTON VA. 22205-0635

h/s
Lê văn Thấu
DHN QY